

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 3 - 2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lục Thị Cương;

Ông Phàn Chấn Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sầm Thị N; Sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Don Văn D; Sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Thôn P, xã N, Huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Sầm Thị N trình bày: Chị Ngoại và anh Don Văn D tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn với nhau ngày 13/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị Ngoại làm việc nhà nước còn anh D làm nghề buôn bán tự do nên anh D hay ghen tuông vô cớ. Tháng 8/2016, anh D đánh chị N phải nhập viện. Cuối năm 2016 vợ chồng chị N và anh D vẫn tiếp tục mâu thuẫn, cãi nhau, anh D đã vứt quần áo của chị N ra ngoài và đuổi chị N ra khỏi nhà, hai vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên gia đình nội ngoại cũng khuyên nhủ để hai vợ chồng anh chị quay về đoàn tụ nhưng anh chị không quay về đoàn tụ với nhau được. Chị N nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng

không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, làm cho hôn nhân không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ngoại đề nghị Tòa án giải quyết chi chị Ly hôn với anh Don Văn D.

Về con chung: Chị Ngoại và anh D có 01 con chung, tên là Don Chí G, sinh ngày 24/6/2012, hiện nay cháu đang ở cùng chị N và đang học lớp một Trường Tiểu học xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. Khi ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi con, không đề nghị anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Vì chị là viên chức nhà nước có thu nhập ổn định với mức 9.000.000 đồng một tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho con; từ khi hai vợ chồng sống ly thân cho tới nay, anh D không cấp dưỡng nuôi con nhưng chị vẫn chăm sóc tốt cho con.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh Don Văn D trình bày: Anh D và chị N tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc của vợ chồng khác nhau, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến hai vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay chị ngoại yêu cầu ly hôn, anh D nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung, tên là Don Chí G, sinh ngày 24/6/2012. Khi ly hôn anh D xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị ngoại cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện nay anh D đang làm kinh doanh tại Hà Nội, có mức thu nhập 15.000.000 đồng một tháng, có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho con học hành tốt hơn.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Sầm Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Don Văn D xin rút thuận tình ly hôn, vì vợ chồng ly hôn sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng về tâm lý cho con cái. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng anh chị về đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái, mặc dù sống xa cách nhau nhưng sẽ bù đắp lại được cho con cái nên không đề nghị về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Sầm Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Don Văn D, địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện Q, là tranh chấp về hôn nhân và đình thuộc khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của chị Ngoại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

[2] Về Quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh D tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn với nhau ngày 12/6/2013, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc mỗi người khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng đánh nhau và sống ly thân nhau từ cuối năm 2016 cho tới nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn. Tại phiên hòa giải anh D nhất trí thuận tình ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa anh D không nhất trí ly hôn, đề nghị chị N quay về đoàn tụ gia đình nhưng chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hôn nhân hợp pháp, nhưng trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cãi nhau, đánh nhau và sống ly thân nhau từ cuối năm 2016 cho tới nay. Từ khi sống ly thân, vợ chồng chị N và anh D không quan tâm đến nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị ngoại, cho chị N ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị N và anh D có 01 con chung, tên là Don Chí G, sinh ngày 24/6/2012, khi ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi con, không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Chị N là viên chức nhà nước, công việc và thu nhập ổn định 9.500.000 đồng một tháng, theo Bảng lương tháng 02 năm 2019 của Trung tâm y tế huyện M, tỉnh Hà Giang xác nhận. Từ khi vợ chồng chị N anh D sống ly thân cho đến nay, chị N là người trực tiếp nuôi con, anh D không có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị N vừa làm trách nhiệm của người mẹ lại vừa làm trách nhiệm của người bố để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Anh D làm công việc kinh doanh, hiện tại đang thuê nhà và kinh doanh tại Hà Nội, với mức thu nhập theo anh khai là 15.000.000 một tháng, nhưng không có căn cứ để chứng minh về việc làm và mức thu nhập của anh D có ổn định hay không. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Don Chí G hiện nay đang sinh sống và học tập ổn định cùng chị N, điều kiện sinh sống và học tập của cháu G đang ổn định, hiện nay cháu còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ là phù hợp. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu G, không làm xáo trộn môi trường sinh sống, học tập và tâm lý của cháu, xét thấy giao cháu G cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đề nghị nên không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh D và chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Sầm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sầm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Sầm Thị N ly hôn với anh Don Văn D.

2. Về con chung:

Giao cháu Don Chí G, sinh ngày 24/6/2012 cho chị Sầm Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Don Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí:

Chị Sầm Thị N phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 26/12/2018 theo Biên lai số: BB/2013/05052.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDh.Q;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận

